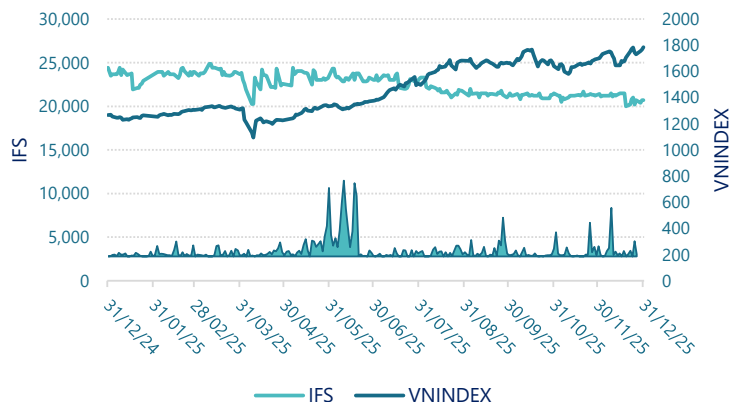




CTCP Thực phẩm Quốc tế (UPCOM: IFS)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	20,700
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	24,866
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	20,000
SL cổ phiếu LH	87,140,984
KLGD BQ 20 phiên (CP)	960
% sở hữu nước ngoài	97.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,804
P/E	12.8
EPS	1,615

DT thuần
Q4/25

518

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 17.0 | 3.4%

YoY: ▼ 19.0 | -3.5%

LN sau thuế
Q4/25

18.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 18.4 | -50.3%

YoY: ▼ 7.10 | -28.0%

Tỷ suất lãi EBIT
2025

8.8%

+/- YoY: ▼ 2.4%

DT thuần
2025

2,005

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 32.0 | 1.6%

LN sau thuế
2025

141

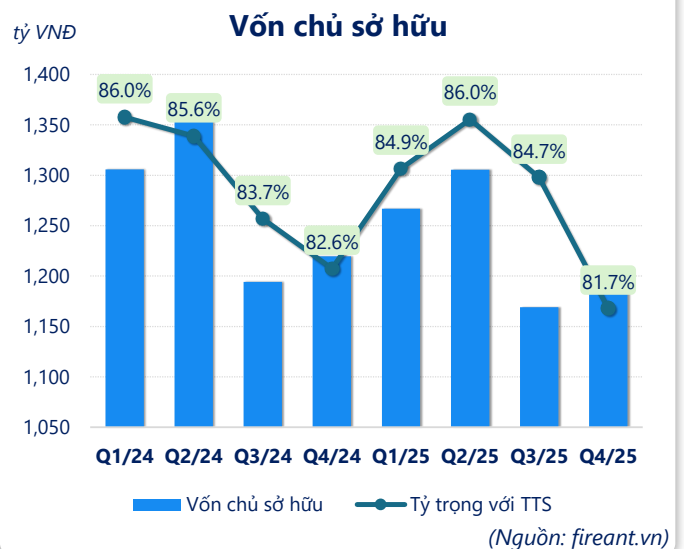
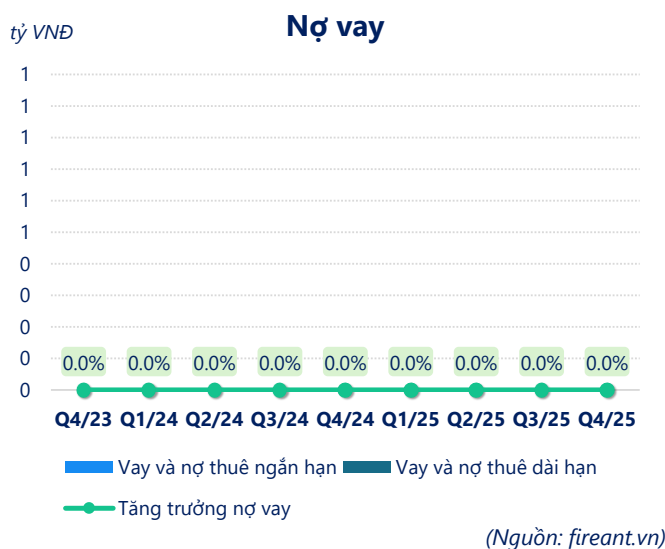
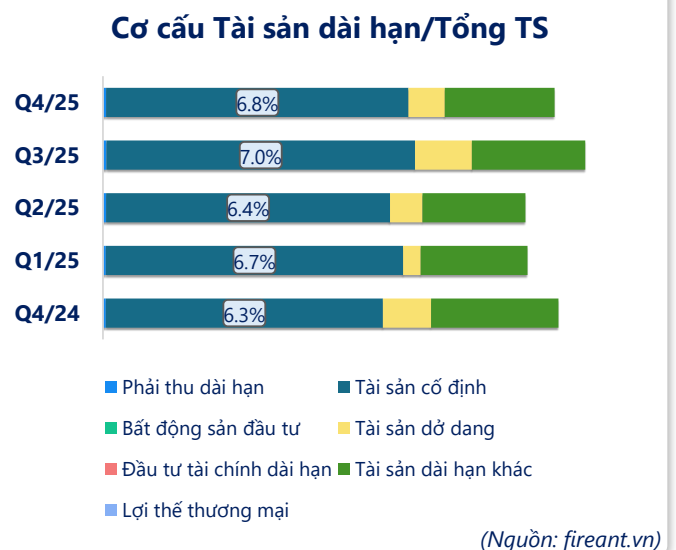
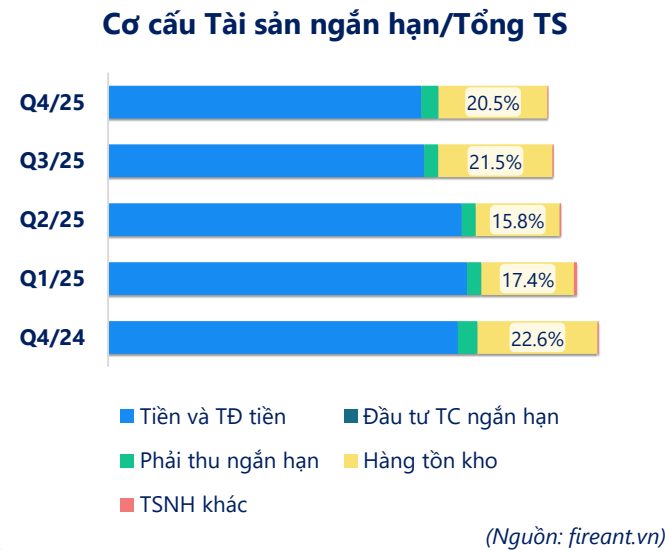
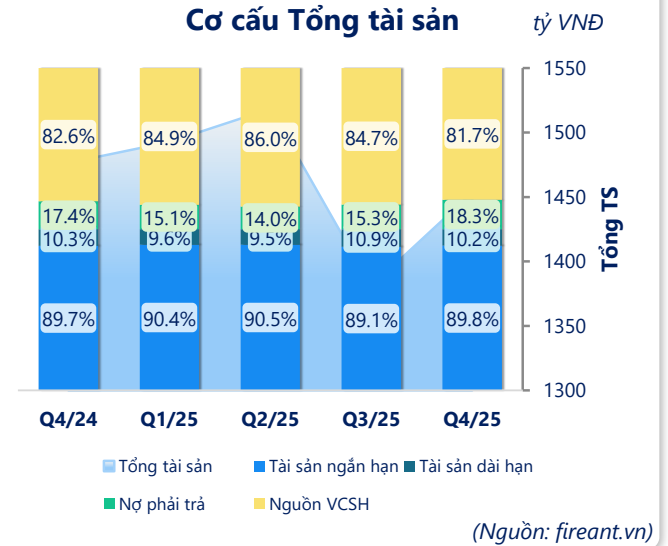
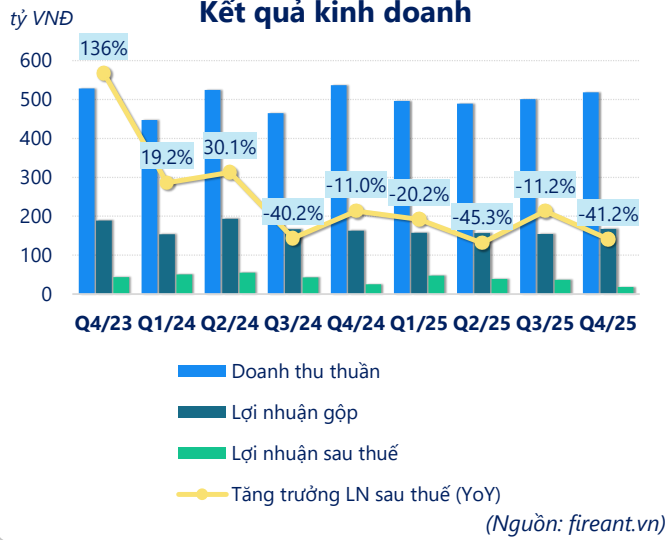
tỷ VNĐ

YoY: ▼ 32.0 | -18.6%

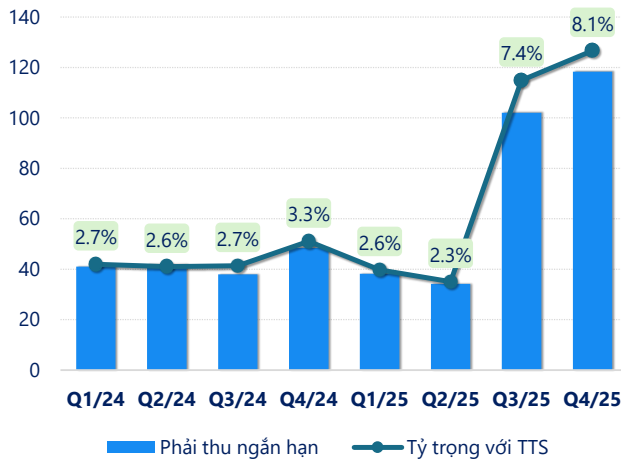
ROE
2025

11.7%

+/- YoY: ▼ 2.3%

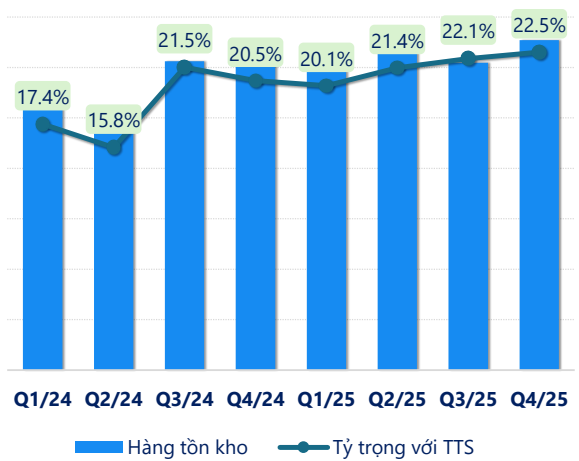


tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


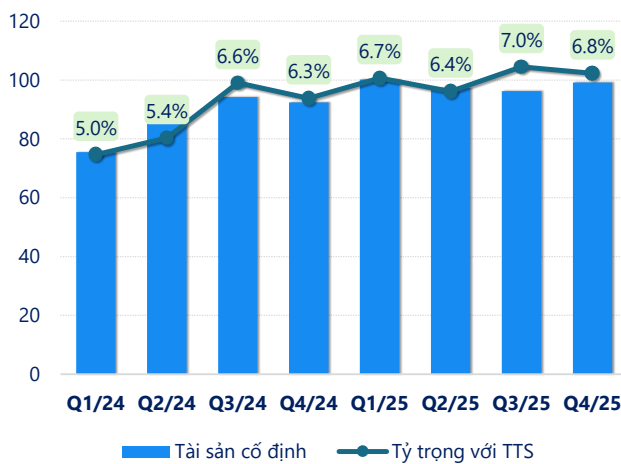
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


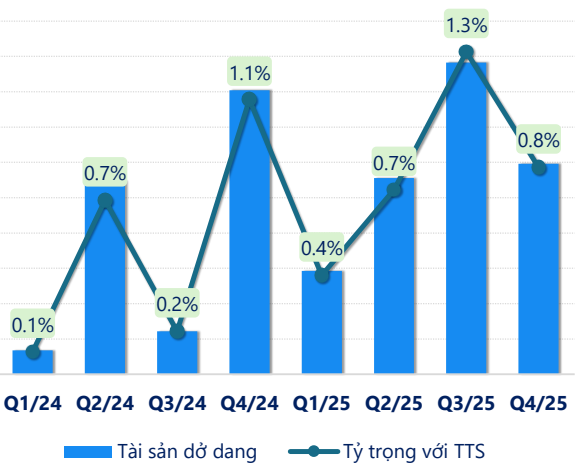
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

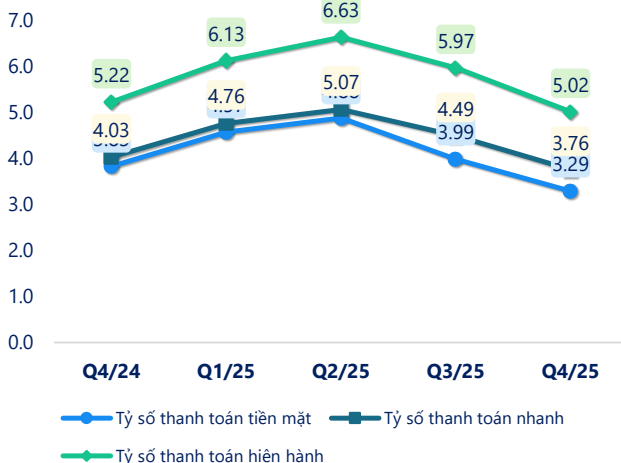
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

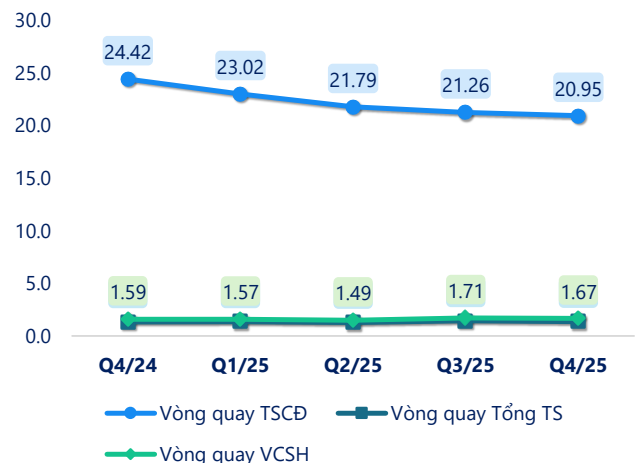
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	1,476	1,493	1,518	1,381	1,453
Tài sản ngắn hạn	1,325	1,350	1,374	1,231	1,305
Tiền và tương đương tiền	971	1,008	1,010	821	856
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	48.4	38.2	34.2	102	118
Hàng tồn kho	303	301	325	305	327
Tài sản ngắn hạn khác	2.53	3.28	4.17	2.65	3.86
Tài sản dài hạn	152	143	145	150	148
Phải thu dài hạn	0.93	0.93	1.08	1.08	1.08
Tài sản cố định	92.4	100	97.3	96.2	99.1
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	16.1	5.85	11.1	17.7	11.9
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	42.4	36.0	35.2	35.4	36.0
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	257	226	213	212	266
Nợ ngắn hạn	254	220	207	206	260
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	148	139	137	126	154
Nợ dài hạn	3.39	5.61	5.83	5.75	5.85
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,219	1,267	1,306	1,169	1,187
Vốn chủ sở hữu	1,219	1,267	1,306	1,169	1,187
Vốn điều lệ	871	871	871	871	871
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)